

Số: 430/2026/QĐST-HNGĐ

H, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 416/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh HAT**, sinh năm 1985; CCCD số: 001***989; đkt: Tập thể Z, xã G, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Chị TTH**, sinh năm 1992; CCCD số: 001***729; đkt: Tổ dân phố C, xã G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh HAT, sinh năm 1985 và chị TTH, sinh năm 1992.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh HAT và chị TTH, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh T và chị H cùng xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh T và chị H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh HAT chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0009351 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả anh HAT số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND xã G, tp H (GCNKH số 118/2026 ngày 14/4/2026);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc